

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNM	Công nghệ mới
CNC	Công nghệ cao
KNXK	Kim ngạch xuất khẩu
KNNK	Kim ngạch nhập khẩu
XNK	Xuất nhập khẩu
MMTB	Máy móc thiết bị
TLSX	Tư liệu sản xuất
DN	Doanh nghiệp
WB	Ngân hàng thế giới
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
UNIDO	Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc
ESCAP	Ủy ban kinh tế xã hội Châu Á- Thái bình dương
UNTAC	Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và phát triển
R&D	Nghiên cứu và phát triển
ODA	Viện trợ phát triển chính thức
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
KH&CN	Khoa học và công nghệ
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
TBCN	tư bản chủ nghĩa
CNH	Công nghiệp hoá
HĐH	Hiện đại hoá
UBND	Ủy ban nhân dân
KT-XH	Kinh tế - xã hội
VCCI	Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam
CGCN	Chuyển giao công nghệ

LỜI NÓI ĐẦU

Công nghệ là một yếu tố rất quan trọng không thể thiếu được đối với quá trình sản xuất trong các doanh nghiệp của mỗi quốc gia. Doanh nghiệp là nơi sử dụng công nghệ để sản xuất ra hàng hoá, đồng thời cũng tại đây là nơi tạo ra công nghệ mới, công nghệ hiện đại, đến lượt mình công nghệ lại có ảnh hưởng mạnh mẽ đến trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Công nghệ là một nhân tố có tính quyết định đến chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường.

Hiện nay công nghệ đang sử dụng trong các doanh nghiệp ở nước ta nhìn chung đang ở trình độ thấp, thậm chí ở nhiều doanh nghiệp công nghệ còn lạc hậu nên chất lượng sản phẩm còn kém, chi phí sản xuất lớn, giá thành cao dẫn đến khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước còn yếu. Muốn khắc phục được tình trạng này, vấn đề mấu chốt là phải đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất với công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến; các doanh nghiệp phải nhập khẩu và làm chủ được công nghệ mới, công nghệ cao từ các nước có trình độ khoa học - kỹ thuật phát triển; vấn đề này phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống chính sách liên quan đến nhập khẩu công nghệ của quốc gia.

Trong những năm qua, đặc biệt là từ những năm 90 trở lại đây trước yêu cầu hội nhập kinh tế vào khu vực và thế giới với nhiều cơ hội và thách thức đặt ra, các doanh nghiệp nước ta đã có nhiều chuyển động tích cực trong đó có việc đổi mới và nhập khẩu công nghệ hiện đại từ nhiều nước trên thế giới và đạt được nhiều thành tựu đáng kể, nhiều ngành và lĩnh vực đã cải thiện rõ rệt về trình độ công nghệ như ngành bưu chính viễn thông, xây dựng, giao thông và một số ngành công nghiệp nhẹ ... Những năm đầu của thời kỳ đổi mới hoạt động nhập khẩu công nghệ, máy móc thiết bị còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ bé, chỉ chiếm 10% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, cho đến những năm 1997 - 2000 với việc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt nam thì kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị cũng tăng lên đáng kể, từ 15,3% năm 1997 đến 18 % năm 2000 so với tổng kim ngạch nhập khẩu (KNNK năm tương ứng là 1,77 - 2.57 tỷ USD). Các DN có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ trọng này cao hơn so với chung của cả nước là 20 - 43%. Qua những số liệu trên đây, có thể thấy rằng kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam trong thời gian qua còn rất nhỏ bé, định hướng của chính phủ là trong thời gian tới đưa KNNK máy móc, thiết bị lên 1% GDP vào năm 2005 và 1,5% GDP vào năm 2010.

Tuy nhiên, trong công tác nhập khẩu công nghệ cũng tồn tại nhiều vấn đề mà bản thân các doanh nghiệp chưa đủ sức để giải quyết như: Các vấn đề về tiếp cận thông tin về công nghệ, về giá cả thị trường, về các nguồn cung ứng công nghệ; năng lực tài chính của doanh nghiệp còn yếu; trình độ khoa học kỹ thuật của đội ngũ lao động còn thấp; điều kiện cơ sở vật chất hiện có còn lạc hậu gây khó khăn cho việc sử dụng và làm chủ công nghệ mới...

Đồng thời, chính sách nhập khẩu công nghệ của Nhà nước với những ưu đãi về thuế, về các biện pháp phi thuế cũng như các biện pháp hỗ trợ nhập khẩu công nghệ còn ở mức độ hạn chế, chưa đủ giúp các doanh nghiệp vượt qua những khó khăn, hạn chế để tiếp cận và đổi mới công nghệ. Trước đây, trong công tác xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các quốc gia khác trên thế giới được thực hiện qua các hợp đồng mua bán ngoại thương (đối với các nước TBCN) hoặc các nghị định thư về trao đổi hàng hoá (đối với các nước XHCN), do vậy việc nhập khẩu công nghệ ở Việt Nam không có luật riêng điều chỉnh. Cho đến nay, việc điều chỉnh nhập khẩu công nghệ được điều tiết bằng nhiều nghị định và các văn bản qui phạm pháp luật như: Bộ luật dân sự (phần chuyển giao công nghệ), luật thương mại, luật đầu tư nước ngoài, các nghị định về qui chế đấu thầu, quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và các quyết định của thủ tướng chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu. Các văn bản này đề cập đến những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của việc nhập khẩu công nghệ; quyền và nghĩa vụ của các bên mua, bán; các điều kiện chuyển giao, tiếp nhận và sử dụng công nghệ; giá cả và điều kiện thanh toán; quản lý và phê duyệt của các cơ quan nhà nước đối với các hợp đồng mua bán; những vấn đề giải quyết tranh chấp v.v...

Do không có văn bản riêng quy định các vấn đề về nhập khẩu (trong đó có nhập khẩu công nghệ), nên quan hệ nhập khẩu chịu sự điều chỉnh của hàng loạt văn bản luật và dưới luật, mà trong đó các điều khoản quy định về nhập khẩu không đồng bộ, cụ thể và còn chồng chéo nên đã gây nhiều khó khăn trong thực tiễn đối với các cơ quan quản lý của nhà nước và các doanh nghiệp khi nhập khẩu công nghệ. Trước yêu cầu đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác được các cơ hội, tiếp cận, đón đầu và sử dụng được công nghệ mới, công nghệ cao sẽ là mục tiêu trọng yếu của chính sách nhập khẩu công nghệ quốc gia. Hơn nữa, bất kỳ một chính sách nào dù tốt đến đâu cũng chỉ phát huy tác dụng trong những thời kỳ nhất định. Vì vậy, cần phải liên tục nghiên cứu để điều chỉnh chính sách này cho phù hợp với những yêu cầu của thực tiễn đặt ra.

Về vấn đề này cũng đã có một số đề tài nghiên cứu, ví dụ như đề tài “Định hướng và giải pháp nhằm đảm bảo nhập khẩu hàng hoá công nghệ nguồn phục vụ công nghiệp hoá hiện đại hoá”. Trong đề tài này các tác giả đã nghiên cứu và đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm nhập khẩu được công nghệ nguồn phục vụ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên việc nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao có nội dung rộng hơn, bao trùm hơn và có tác dụng tích cực hơn trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chính vì vậy, đề tài: **”Chính sách nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam - thực trạng và giải pháp”** được tiến hành nghiên cứu sẽ góp phần đáp ứng cả về lý luận và thực tiễn những vấn đề đặt ra cho công tác nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:

- Làm rõ vai trò của chính sách nhập khẩu công nghệ và những yêu cầu đặt ra cho việc điều chỉnh và hoàn thiện chính sách nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao đáp ứng mục tiêu CNH, HĐH của Việt Nam.
- Phân tích thực trạng chính sách nhập khẩu CNM, CNC và tác động của nó đến việc nhập khẩu và sử dụng chúng trong các doanh nghiệp giai đoạn (1991 - 2001)
- Đề xuất những vấn đề về điều chỉnh chính sách nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao của Việt Nam đến năm 2020.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: Chính sách nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài sẽ nghiên cứu thực trạng các chính sách nhập khẩu công nghệ ở Việt nam thời kỳ 1991-2001 và thực trạng nhập khẩu CNM, CNC của các doanh nghiệp quốc doanh từ 1991 đến 2000. Từ đó, đề xuất điều chỉnh chính sách nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao của Việt nam đến năm 2020 (về quản lý và giám định, chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp nhập khẩu, làm chủ CNM, CNC) .

Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau đây:

- Khảo sát điển hình
- Phương pháp tổng hợp và phân tích
- Phương pháp chuyên gia

Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm ba chương chính sau đây:

Chương I: Vai trò của chính sách nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH.

Chương II: Thực trạng chính sách nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao của Việt Nam giai đoạn 1991-2001.

Chương III: Đề xuất Những vấn đề về điều chỉnh chính sách nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao của Việt Nam đến năm 2020.

CHƯƠNG I

VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH NHẬP KHẨU CÔNG NGHỆ MỚI, CÔNG NGHỆ CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CNH, HĐH

1. Khái niệm về công nghệ mới, công nghệ cao và đặc điểm của thị trường công nghệ.

1.1. Khái niệm và phân loại về công nghệ mới, công nghệ cao.

1.1.1 Khái niệm về công nghệ:

Trên thế giới và ở Việt Nam từ trước tới nay có nhiều cách định nghĩa, tùy thuộc vào kinh nghiệm của các tác giả và các tổ chức khác nhau và để nhằm phục vụ cho mục đích công việc của họ thì các định nghĩa cũng khác nhau. Tùy thuộc vào mục đích và hoàn cảnh mà một định nghĩa này có thể phù hợp hơn, đúng đắn hơn một định nghĩa khác. Trong đề tài này chúng tôi liệt kê ra ở đây một số định nghĩa đã được công bố.

- Theo tác giả F. R. Root “Công nghệ là dạng kiến thức có thể áp dụng được vào việc sản xuất ra các sản phẩm và sáng tạo ra các sản phẩm mới”. Theo định nghĩa này, bản chất của công nghệ là dạng kiến thức và mục tiêu sử dụng là áp dụng vào sản xuất để tạo ra các sản phẩm và sản phẩm mới.

- Theo tác giả R. Jones (1970) thì ”Công nghệ là cách thức mà qua đó các nguồn lực được chuyển thành hàng hoá” ở đây công nghệ là cách thức (cũng là kiến thức) và mục tiêu cũng là để chuyển nguồn lực thành sản phẩm.

- Tác giả J. Baranson (1976) lại định nghĩa ”Công nghệ là tập hợp các kiến thức về một quy trình hoặc/ và các kỹ thuật chế biến cần thiết để sản xuất ra các vật liệu, cấu kiện và sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh”. Bản chất của công nghệ cũng là kiến thức để sản xuất ra sản phẩm.

- Theo I. R. Dunning (1982) ”Công nghệ là nguồn lực bao gồm kiến thức được áp dụng để nâng cao hiệu quả sản xuất và tiếp thị cho những sản phẩm và dịch vụ đang có và tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới”. Trong định nghĩa này, công nghệ cũng là kiến thức và mục tiêu là nâng cao hiệu quả sản xuất và tiếp thị.

- Tác giả E.M. Graham (1988) cho rằng: ”Công nghệ là kiến thức không sờ mó được và không phân chia được và có lợi về mặt kinh tế khi sử dụng để sản xuất ra các sản phẩm và dịch vụ”. Tại đây công nghệ cũng là kiến thức và mục tiêu là tạo ra sản phẩm và dịch vụ.

- Còn theo tác giả P. Strunk (1986) định nghĩa “Công nghệ là sự áp dụng khoa học vào công nghiệp bằng cách sử dụng những nghiên cứu và cách sử lý một cách có hệ thống và có phương pháp”. Trong định nghĩa này, công nghệ là kiến thức khoa học và nó được áp dụng vào trong ngành công nghiệp.